

THÔNG BÁO
Về việc cập nhật chương trình đào tạo đại học áp dụng
cho khóa tuyển sinh 2023

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-ĐHTN ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ;

Căn cứ kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và đào tạo ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc cập nhật chương trình đào tạo năm 2023;

Hiệu trưởng thông báo cho các khoa thực hiện cập nhật chương trình đào tạo đại học năm 2023 như sau:

1. Cập nhật, chỉnh sửa Chương trình đào tạo theo Biên bản góp ý của Phòng Quản lý chất lượng (Biên bản kèm theo) và kết luận của cuộc họp Hội đồng khoa học và đào tạo ngày 16 tháng 8 năm 2023 (Biên bản kèm theo).

2. Bổ sung nhóm học phần thay thế đối với sinh viên nước ngoài vào Chương trình đào tạo năm 2023.

3. Mẫu chương trình đào tạo: mẫu 1 và mẫu 2 kèm theo thông báo này (đã bổ sung một số nội dung theo Biên bản góp ý của phòng Quản lý chất lượng và kết luận của cuộc họp Hội đồng khoa học và đào tạo).

4. Thời gian thực hiện:

- Các Khoa nộp bản hoàn thiện cuốn Chương trình đào tạo: Trước ngày 28/8/2023, nộp kèm biên bản họp bộ môn và Khoa trong đó trình bày rõ những nội dung thay đổi của Chương trình đào tạo trong lần cập nhật mới năm 2023 so với năm 2021 (môn học mới, số tín chỉ các môn học, học phần tiên quyết, ... và lý do thay đổi).

- Các văn bản và file nộp về phòng Đào tạo (chuyên viên Trần Quỳnh Mai, email: tqmai@ttn.edu.vn và Bùi Thị Thanh, buithithanh@ttn.edu.vn nhận).

Yêu cầu Lãnh đạo các Khoa triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 8 năm 2023

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

V/v cập nhật chương trình đào tạo

trình độ đại học năm 2023

I. Thời gian, địa điểm, thành phần

1. Thời gian: 14h00, thứ 4 ngày 16/8/2023.

2. Địa điểm: Phòng họp 2.3, Tòa nhà điều hành.

3. Thành phần:

Chủ trì: TS. Nguyễn Thanh Trúc – Chủ tịch HĐKH và ĐT.

Thư ký: PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên.

Có mặt: 18/23

Vắng: 05/13

II. Nội dung

1. Cập nhật Chương trình đào tạo đại học

- Tổng số tín chỉ tăng lên không quá 15% so với tổng số tín chỉ tối thiểu bắt buộc của CTĐT.
- Không để các học phần có 1 tín chỉ, cần tích hợp các học phần lại để có số tín chỉ hợp lý.
- Tăng cường các học phần thực hành, giảm bớt các học phần lý thuyết.
- Chuẩn đầu ra của CTĐT: Số lượng từ 10 đến 15 chuẩn đầu ra.
- Viết Chuẩn đầu ra và mục tiêu CTĐT cần thể hiện được mức độ đáp ứng.
- Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT: Đánh dấu tương thích.
- Kế hoạch giảng dạy, tiến trình đào tạo: Tối thiểu mỗi kỳ 15 tín chỉ, trừ học kỳ cuối.
- Chuyên đề, khoá luận: Thống nhất, đảm bảo số tín chỉ phù hợp.
- Đối với các ngành sư phạm: Cập nhật, chỉnh sửa bám sát nội dung chương trình Sách giáo khoa phổ thông mới, tăng cường các học phần liên quan đến nghiệp vụ sư phạm.
- Tách vị trí việc làm sau tốt nghiệp thành một mục riêng, không nằm trong mục tiêu đào tạo.
- Khoa, bộ môn chịu trách nhiệm rà soát nội dung các CTĐT đảm bảo đúng quy định của Nhà trường.
- Khoa, bộ môn nộp CTĐT về phòng Đào tạo trước ngày 28/8/2023.

2. Cập nhật Đề cương chi tiết học phần

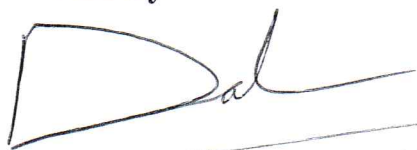
- Mỗi học phần bố trí từ 2 giảng viên giảng dạy.
- Đề cương chi tiết: Rà soát lại để tránh sự trùng lặp về nội dung giảng dạy giữa các học phần với nhau.
- Tài liệu học tập: Chỉ đưa vào các tài liệu đã được xuất bản, được phát hành. Tài liệu học tập bắt buộc phải có tài liệu chính và có tài liệu tham khảo đi kèm đảm bảo tính mới, phù hợp.

3. Một số nội dung khác

- Giảng viên giảng dạy các học phần phải có bài giảng, tài liệu (cung cấp cho sinh viên).
- Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý chất lượng, các Khoa chuyên môn ... chịu trách nhiệm xây dựng, góp ý mẫu Chương trình dạy học.
- Phòng Đào tạo: Xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị nâng cao chất lượng đào tạo, mỗi Khoa chuyên môn bắt buộc phải có 01 báo cáo tham luận, thời gian tổ chức dự kiến vào tháng 10/2023.
- Phòng Công tác sinh viên, Tổ chức cán bộ: Lên kế hoạch tổ chức các Hội nghị công tác sinh viên, công tác cố vấn học tập.
- Xếp thời khoá biểu: Bố trí xếp lịch dạy một học phần rải đều trong một kỳ, một tuần không quá 8 tiết, xếp lịch giảng dạy cố định (có thể 1 tháng, 1 học kỳ, ưu tiên các giảng viên đi học).
- Giảng viên tổ chức tập huấn kỹ năng cho sinh viên (ngoài CTĐT) có kinh phí riêng, không tính tiết.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 16h30 cùng ngày, các nội dung được thống nhất thông qua Hội đồng Khoa học và đào tạo.

Thư ký


Nguyễn Phương Đại

Chủ trì




Đắk Lắk, ngày 09 tháng 6 năm 2023

BIÊN BẢN

V/v Góp ý nội dung cập nhật chương trình đào tạo năm 2023

Căn cứ văn bản ngày 6 tháng 6 năm 2023 của Trưởng phòng Đào tạo, Thông qua cuộc họp ngày 09 tháng 6 năm 2023, Phòng Quản lý chất lượng có một số nội dung góp ý:

Chương trình đào tạo

1. Các mục của Chuẩn đầu ra phải tương thích với mục tiêu.
2. Viết chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phải dễ hiểu, rõ ràng và đo lường được (Nguyên tắc Smart).
4. Số lượng chuẩn đầu ra ít.
5. Cập nhật chương trình đào tạo phải bảo đảm đầy đủ các bước và lưu trữ minh chứng để phục vụ công tác tự đánh giá/ Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Đề Cương học phần

1. Phần thông tin chung bổ sung thêm:
Ngành:, Chương trình đào tạo:
2. Viết chuẩn đầu ra đề cương học phần phải dễ hiểu, rõ ràng và đo lường được.
3. Mục 5 cột số 4: “Hoạt động dạy và học đáp ứng chuẩn đầu ra”
4. Mục 8.2, 8.3 cột 4: “Phương pháp Kiểm tra, đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra”
5. Mục 8.2, 8.3 bổ sung thêm cột “Rubric (đánh dấu X nếu có)” sau cột “Phương thức kiểm tra, đánh giá”; Nếu có thực hiện Rubric đánh giá thì phải thêm phần (8.4) mô tả thực hiện Rubric.

KT. TRƯỞNG PHÒNG



Ths. Trần Giang

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo:
Tên tiếng Anh:
Tên chuyên ngành:
Mã ngành:
Trình độ đào tạo:
Hình thức đào tạo:

Đắk Lắk, 20...

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHTN ngày ... tháng ... năm 20 ... của Hiệu trưởng
Trường Đại học Tây Nguyên)

Tên chương trình:
Trình độ đào tạo:
Ngành đào tạo: Mã ngành:
Hình thức đào tạo:
Tên gọi văn bằng:
Thời gian đào tạo:

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

(Viết khoảng 100 từ)

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

M1. ...

M2. ...

1.2.2. Về kỹ năng, thái độ

M3. ...

M4. ...

M5. ...

1.2.3. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

....

Mn. ...

2. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

+ Kiến thức chung

C1. ...

C2. ...

+ Kiến thức chuyên môn

C3. ...

C4. ...

C5. ...

3.2. Kỹ năng

+Kỹ năng chung

C6. ...

C7. ...

+Kỹ năng chuyên môn

C8. ...

C9. ...

C10. ...

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C11. ...

C12. ...

...

Cn. ...

4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung		Kỹ năng chuyên môn			Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	...	Cn
M1	x	x												
M2		x												
M3			x	x										
M4				x	x	x	x							
M5			x		x			x		x		x		x
M6						x	x		x		x		x	
M7	x		x							x	x	x		x
M8					x		x		x		x		x	
...														
Mn														

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

6. Đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của trường Đại học Tây Nguyên và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tây Nguyên

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Áp dụng “Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 1574/QĐ – ĐHTN ngày 24/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

8. Cách thức đánh giá

Áp dụng “Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 1574/QĐ – ĐHTN ngày 24/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

9. Nội dung chương trình

9.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
-----	-------	--------------	------------	----	----	----	----	------------------

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
Tổng:								

Nhóm học phần thay thế các học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3, Tiếng Anh 4 đối với sinh viên nước ngoài:

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
Tổng:								

9. 2. Kiến thức giáo dục thể chất

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
Tổng:								

9. 3. Kiến thức Giáo dục quốc phòng

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
Tổng:								

Nhóm học phần thay thế các học phần Giáo dục quốc phòng đối với sinh viên nước ngoài:

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
Tổng:								

9.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

9.4.1. Kiến thức cơ sở ngành

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
Tổng:								

9.4.2. Kiến thức ngành

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
Tổng:								

9.4.3. Kiến thức chuyên ngành (nếu có)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
Tổng:								

10. Kế hoạch giảng dạy

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
Tổng học kỳ 1:					
Tổng học kỳ 2:					

11. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	...	Cn

1	HP1	1		2			3						
2	HP2		2		3								1
...													
k	HPk										1	3	

Ghi chú: Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được mã hóa như sau:

1 = đóng góp mức thấp

2 = đóng góp mức trung bình

3 = đóng góp mức cao

Đề trống = không đóng góp.

12. Tiến trình đào tạo: (theo mẫu dưới)

13. Cơ sở vật chất

13. 1. Phòng học, thực hành và các loại thiết bị, máy móc hiện có:

TT	Tên loại	Đơn vị tính	Số lượng/ diện tích	Ghi chú
1	Phòng học lý thuyết			
				
2	Phòng máy vi tính			
	Số lượng máy tính			
3	Phòng học đa năng			
4	Phòng học thực hành			

13. 2. Cơ sở thực hành, thực tập (Đơn vị tính: xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi, ...)

TT	Cơ sở thực hành, thực tập	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú

13. 3. Thư viện và học liệu (*giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính..*)

14. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
1						
2						
...						

15. Hướng dẫn thực hiện chương trình

16. Đề cương chi tiết các học phần (viết đề cương chi tiết từng học phần theo Mẫu 2)

MỤC LỤC

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Giải thích các loại mũi tên:

- Học phần tiên quyết
- Học phần học trước
- Học phần học song hành

Học phần tốt nghiệp: Sinh viên hoàn thành 10 TC, tùy điều kiện

Nếu đủ điều kiện

- Nếu không đủ điều kiện hoặc không làm khóa luận tốt nghiệp
- KT213530 (4) Chuyên đề tốt nghiệp
- KT213531 (2) Đàm phán và kinh doanh bất động sản
- KT213533 (2) Nghiên cứu thị trường bất động sản
- KT213532 (2) Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu

HK 1 FL211020 (2) Tiếng Anh 1

HK 2 FL211021 (2) Tiếng Anh 2

HK 3 FL211022 (2) Tiếng Anh 3

HK 4 FL211023 (2) Tiếng Anh 4

HK 5 KT213515 (3) Nguyên lý bất động sản

HK 6 KT213508 (3) Toán tài chính

HK 7 KT213517 (3) Định giá bất động sản

HK 8 KT213529 (10) Khoa luận tốt nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

SP211001 (2) Tiếng việt thực hành
KT212510 (2) Soạn thảo văn bản và hợp đồng

Sinh viên chọn 2/4 TC

SP211014 (2) Tâm lý học đại cương
SP211006 (2) Xã hội học đại cương
KC211026 (2) Khoa học môi trường

Sinh viên chọn 2/4 TC

SP211005 (3) Đường lối quản sự của Đảng
QP211006 (2) Công tác quốc phòng - An ninh
QP211007 (3) Quân sự chung và chiến thuật,
KT bản sung tiêu liên AK (CKC)

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 3/6 TC

KT213401 (3) Tài chính doanh nghiệp
KT212401 (3) Tài chính - Tiền tệ

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT213511 (2) Thông kê kinh tế
KT213512 (2) Thông kê doanh nghiệp

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211012 (1) Giáo dục thể chất 2

Sinh viên chọn 2/4 TC

KT211013 (1) Giáo dục thể chất 3

Sinh viên chọn 2/4 TC</

Các ký hiệu:

M: mục tiêu của chương trình đào tạo

C: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

MT: Mục tiêu học phần

H: Chuẩn đầu ra học phần

HP: học phần

TC: tín chỉ

TH: thực hành

LT: lý thuyết

BB: bắt buộc

TC: tự chọn

Mẫu 2 – Đề cương chi tiết học phần

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: Mã học phần: (8 ký tự)

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Ngành: ... Chương trình đào tạo: ...

Tổng số tín chỉ: ... ; Số tín chỉ lý thuyết:; Số tín chỉ thực hành:

Loại môn học:(Bắt buộc, Tự chọn hay Điều kiện)

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên:; Số điện thoại:.....; Email:.....

....

Giảng viên n: Họ và tên:.....; Số điện thoại:.....; Email:.....

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: (ít nhất 150 từ)

(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.)

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

(Mô tả mong muốn, kỳ vọng của giảng viên đối với sinh viên sau khi học xong học phần. Viết khoảng 4 đến 5 mục tiêu).

MT1. ...

MT2. ...

....

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

(Mô tả các năng lực bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ mà sinh viên đạt được sau khi học xong học phần. Viết khoảng 3 đến 5 chuẩn đầu ra).

H1....

H2....

....

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	C1	C2	C3	...	Cn
H1	x				
H2		x	x		
....			x		x
Hk		x		x	

4. Cấu trúc học phần

Mẫu 2 – Đề cương chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. (Tên chương) Nội dung: Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát 1.1. ... 1.1.1. ... 1.2.	LT: ... tiết BT: ... tiết	[1] ghi rõ chương mục cần đọc
2	Chương 2. (Tên chương) Nội dung: Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát 2.1. ... 2.1.1. ... 2.2. ...	LT: ... tiết BT: ... tiết	[2] ghi rõ chương mục cần đọc
...			

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học đáp ứng chuẩn đầu ra	Bài đánh giá
Buổi học/số tiết	Chương 1. (Tên chương) Nội dung: Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát 1.1. ... 1.1.1. ... 1.2.	H1 H2 (Liệt kê các chuẩn đầu ra liên quan của học phần)	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: Ví dụ: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận - Thực hành: ghi rõ nội dung thực hành Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...) + Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận)

Mẫu 2 – Đề cương chi tiết học phần

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học đáp ứng chuẩn đầu ra	Bài đánh giá
			bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) - Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành)	
	Chương 2. (Tên chương) 2.1. ... 2.1.1. ... 2.2.	H1 H2 (Liệt kê các chuẩn đầu ra liên quan của học phần)		
....	...	...	...	...

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.
(Sách, giáo trình chính trong giảng dạy và học tập thường chiếm 50% nội dung sử dụng trở lên)

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.
(Liệt kê khoảng 3-5 tài liệu)

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có): Ví dụ như tham quan thực tế

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận:; Trọng số thi kết thúc học phần:

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra	Rubric	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên	Đánh giá mức độ tích	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo	(Nếu có sử dụng	H1 H2	t1%

Mẫu 2 – Đề cương chi tiết học phần

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra	Rubric	CDR học phần	Tỷ lệ
	cần	cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	rubric để đánh giá thì GV đánh dấu X)	(Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá)	
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên		H1 H2 (Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá)	t2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.		H1 H2 (Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá)	t3%
4	Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên.		H1 H2 (Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá)	t4%
		Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm			

Mẫu 2 – Đề cương chi tiết học phần

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra	Rubric	CĐR học phần	Tỷ lệ
		nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm.	của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra.			
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.		H1 H2 (Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá)	t5%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận			100%

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận ÷ điểm thi × trọng số thi) / 100 = kết quả học phần.

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra	Rubric	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh	Phương pháp đánh giá: (Thi tự luận, Thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm, ...)	(Nếu có sử dụng rubric để đánh giá thì GV đánh dấu)	H1 H2 (Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá)	t1%

Mẫu 2 – Đề cương chi tiết học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra	Rubric	CĐR học phần	Tỷ lệ
viên.		X)		

8.4. Mô tả rubric

Trưởng khoa
(biên soạn)

Trưởng bộ môn

Ngày ... tháng ... năm 20...

Người biên soạn